ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ CƯ PUI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 188 /KH-UBND	*Cư Pui, ngày 05 tháng 8 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Kịch bản điều hành chi tiết tăng trưởng kinh tế hai con số theo 9 chỉ tiêu năm 2026 trên địa bàn xã Cư Pui

Căn cứ Kế hoạch hành động số 889/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 10/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Lắk thực hiện mục tiêu tăng trưởng 2 con số giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Cư Pui khóa VIII, kỳ họp lần thứ 12 về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2026;

Nhằm triển khai đồng bộ, quyết liệt, thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, UBND xã Cư Pui xây dựng kế hoạch thực hiện kịch bản điều hành tăng trưởng kinh tế hai con số năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

Nhằm cụ thể hóa mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 thành các chỉ tiêu ngành, lĩnh vực; nội dung nhiệm vụ, công việc được đầy đủ, cụ thể theo yêu cầu "rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền, một xuyên suốt" phù hợp với đặc điểm nhiệm vụ của từng lĩnh vực, theo từng quý trong năm 2026;

Kế hoạch là cơ sở để UBND xã tổ chức chỉ đạo, điều hành, theo dõi, đánh giá việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh giải pháp trong quá trình thực hiện; thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình thực tế; kịp thời cập nhật kịch bản tăng trưởng và đề ra các giải pháp chỉ đạo, điều hành nhằm bảo đảm mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 với kết quả cao nhất;

Tập trung huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, đặc biệt là đối với các dự án có sức lan tỏa và tác động lớn tới phát triển kinh tế của xã, đảm bảo yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế địa phương trong thời gian tới.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các Phòng, Trung tâm thuộc UBND xã, các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2026.

2. Yêu cầu:

- Việc triển khai thực hiện kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 trên cơ sở phù hợp với đặc điểm tình hình, điều kiện thực tế của từng lĩnh vực và của xã. Theo dõi, nắm bắt tình hình quốc tế và trong nước, chủ động có giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả với những biến động lớn và vấn đề mới phát sinh;

- Các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ động tổ chức thực hiện; đề xuất các giải pháp cụ thể, trọng tâm, trọng điểm, có tính đột phá; phân công rõ đơn vị chủ trì theo dõi triển khai thực hiện; bảo đảm tính khả thi và hiệu quả; tăng cường phối hợp, theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao;

- Quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch phải thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, quyết tâm, quyết liệt, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo để tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đề ra.

- Kết quả thực hiện của Kế hoạch là căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong năm 2026.

II. NỘI DUNG KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ:

1. Chỉ tiêu phấn đấu năm 2026:

(1) Thu ngân sách nhà nước: 236,498 tỷ đồng.

(2) Chi ngân sách nhà nước: 236,498 tỷ đồng.

(3) Tiến độ gieo trồng các loại cây trồng: 11.109/11.109 ha.

(4) Ước tính năng suất các loại cây trồng chủ yếu:

- Đối với lúa các loại trung bình: 72,08 tạ/ha.

- Các loại cây lâu năm trung bình: 80,25 tạ/ha.

- Các loại cây ăn quả trung bình: 190 tạ/ha.

- Các loại cây hằng năm trung bình: 103,2 tạ/ha.

(5) Số lượng gia súc, gia cầm: 53.061 con (gia súc: 11.560 con, gia cầm: 43.501 con).

(6) Năng lực mới tăng của các dự án, công trình hoàn thành, dự kiến hoàn thành: 41,232 tỷ đồng.

(7) Sản phẩm công nghiệp chủ yếu sản xuất trên địa bàn: 31,495 tỷ đồng.

- Khai thác khoáng sản: 20,07 tỷ đồng.

- Sản xuất, phân phối điện: 2,10 tỷ đồng.

- Cơ khí điện tử: 1,89 tỷ đồng.

- Cấp nước sinh hoạt: 0,503 tỷ đồng.

- Thu gom xử lý rác thải: 0,13 tỷ đồng.

- Tiểu thủ công nghiệp: 6,802 tỷ đồng.

(8) Số lượng nhà ở xây mới: Nhà ở riêng lẻ: 235 căn (nhà nước hỗ trợ 95 căn, nhà ở trong dân: 140 căn).

(9) Số lượng khách lưu trú trên địa bàn: 1.800 người.

2. Kịch bản tăng trưởng theo quý:

2.1. Nguyên tắc phân bổ:

- Bám sát mục tiêu tăng trưởng kinh tế - xã hội năm 2026, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu được giao.

- Phù hợp với đặc điểm sản xuất nông nghiệp, tính mùa vụ và chu kỳ sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi trên địa bàn.

- Gắn với tiến độ triển khai các công trình, dự án đầu tư công, khả năng giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

- Phù hợp với năng lực sản xuất của các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xu hướng phát triển dịch vụ, thương mại.

- Bảo đảm tính khả thi, có dư địa điều hành linh hoạt trước các yếu tố bất lợi như thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường.

2.2. Tiêu chí phân bổ để xây dựng kịch bản theo quý dựa trên:

*** Bảng tổng hợp tiêu chí phân bổ để xây dựng kịch bản tăng trưởng theo quý năm 2026:**

Chỉ tiêu	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
Thu ngân sách nhà nước	Tập trung thu các khoản thuế, phí, lệ phí phát sinh đầu năm; rà soát nguồn thu và chống thất thu.	Đẩy mạnh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; tăng cường thu hồi nợ đọng thuế.	Tăng tốc khai thác các nguồn thu, nhất là các khoản thu từ đất đai, dịch vụ và thương mại.	Hoàn thành dự toán năm, tập trung thu các khoản còn thiếu và xử lý các nguồn thu phát sinh cuối năm.
Chi ngân sách nhà nước	Bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên, các nhiệm vụ an sinh xã hội và quốc phòng - an ninh.	Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và các chương trình mục tiêu.	Tăng chi cho các công trình, dự án hoàn thành khối lượng lớn.	Hoàn tất giải ngân kế hoạch vốn, thanh quyết toán các nhiệm vụ và công trình trong năm.
Diện tích gieo trồng	Tập trung sản xuất vụ Đông Xuân, chiếm tỷ trọng diện tích lớn nhất trong năm.	Triển khai sản xuất vụ Hè Thu theo lịch thời vụ.	Duy trì diện tích sản xuất vụ Thu Đông và cây trồng ngắn ngày.	Hoàn thành các diện tích gieo trồng còn lại, chuẩn bị sản xuất cho năm sau.

Năng suất cây trồng	Tập trung chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, bảo đảm đạt khoảng 95% kế hoạch.	Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, đạt khoảng 96% kế hoạch.	Nâng cao hiệu quả sản xuất, đạt khoảng 98% kế hoạch.	Thu hoạch và tổng kết sản xuất, đạt 100% kế hoạch năm.
Gia súc, gia cầm	Duy trì tổng đàn ổn định, tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh.	Thực hiện tái đàn, mở rộng quy mô chăn nuôi theo nhu cầu thị trường.	Phát triển đàn vật nuôi gắn với kiểm soát dịch bệnh và an toàn sinh học.	Hoàn thành mục tiêu phát triển tổng đàn, phục vụ nhu cầu cuối năm.
Năng lực mới tăng thêm	Hoàn thiện thủ tục đầu tư, khởi công các công trình và dự án mới.	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, lắp đặt thiết bị và đưa một số hạng mục vào hoạt động.	Hoàn thành nhiều công trình, cơ sở sản xuất mới đi vào vận hành.	Phát huy tối đa công suất các dự án hoàn thành, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.
Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN	Duy trì hoạt động sản xuất ổn định sau dịp Tết Nguyên đán.	Mở rộng sản xuất, tăng sản lượng các cơ sở chế biến và TTCN.	Tăng tốc sản xuất để đáp ứng nhu cầu thị trường.	Tập trung sản xuất phục vụ nhu cầu tiêu dùng cuối năm và các đơn hàng cao điểm.
Nhà ở xây mới	Triển khai thủ tục xây dựng, khởi công các công trình nhà ở.	Đẩy nhanh tiến độ thi công trong điều kiện thời tiết thuận lợi.	Hoàn thành phần lớn khối lượng xây dựng nhà ở dân cư.	Hoàn thiện và đưa vào sử dụng các công trình nhà ở còn lại.
Khách lưu trú	Tăng mạnh nhờ nhu cầu du lịch, lễ hội và Tết Nguyên đán.	Duy trì lượng khách ổn định, phục vụ mùa du lịch đầu hè.	Cao điểm du lịch hè, lượng khách tăng cao nhất trong năm.	Lượng khách giảm theo tính mùa vụ nhưng vẫn duy trì nhờ các hoạt động cuối năm.

*** Tiêu chí phân bổ tỷ trọng theo quý:**

Chỉ tiêu	Quý I (%)	Quý II (%)	Quý III (%)	Quý IV (%)	Cơ sở phân bổ
Thu ngân sách	23,68	24,95	27,48	23,89	Căn cứ chu kỳ thu ngân sách, các khoản thu từ sản xuất kinh doanh, thuế, phí và tiến độ triển khai các hoạt động kinh tế trên địa bàn; thu tăng mạnh vào nửa cuối năm.
Chi ngân sách	23,26	25,37	27,06	24,31	Phù hợp với tiến độ thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên, giải ngân vốn đầu tư công và hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cuối năm.

Diện tích gieo trồng	19,24%	25,02%	27,35%	28,39%	Căn cứ lịch thời vụ sản xuất nông nghiệp, diện tích gieo trồng tập trung chủ yếu vào vụ Hè Thu và Thu Đông.
Năng suất cây trồng	5,5%	6,5%	7,5%	8,5%	Căn cứ thời điểm thu hoạch các loại cây trồng; sản lượng tập trung chủ yếu vào các tháng cuối năm.
Gia súc, gia cầm	1,12%	2,74%	4,45%	4,94%	Căn cứ chu kỳ sinh trưởng, tái đàn, phát triển đàn vật nuôi và nhu cầu thị trường tiêu thụ trong năm.
Năng lực mới tăng thêm	8,5%	10,5%	12%	13%	Căn cứ tiến độ hoàn thành các công trình, dự án đầu tư và đưa vào khai thác sử dụng trong năm.
Sản phẩm công nghiệp chủ yếu xuất trên địa bàn	6,50%	8,00%	9,50%	11,00%	Phù hợp với tiến độ thi công xây dựng, hoạt động sản xuất công nghiệp và nhu cầu thị trường từng thời kỳ.
Nhà ở xây mới	5,5%	7%	8,5%	10,5%	Căn cứ nhu cầu xây dựng của người dân, điều kiện thời tiết thuận lợi và khả năng huy động nguồn vốn đầu tư hộ gia đình.
Khách lưu trú	23,3 %	23,9%	29,4%	23,3%	Căn cứ mùa du lịch, nhu cầu lưu trú phục vụ công tác, sản xuất kinh doanh và các hoạt động văn hóa, lễ hội trên địa bàn.

2.3. Kịch bản các chỉ tiêu theo tháng, quý như sau:

(1) Thu Ngân sách nhà nước (236,498 tỷ đồng).

Quý	Tháng	Giá trị (tỷ đồng)	Tăng trưởng
Quý I	Tháng 1	17,2	6,0%
	Tháng 2	18,1	6,5%
	Tháng 3	19,7	7,0%
	Tổng Quý I	55	6,5%
Quý II	Tháng 4	18,9	7,5%
	Tháng 5	19,8	8,0%
	Tháng 6	21,3	8,5%

	Tổng Quý II	60	8,0%
Tổng 6 tháng đầu năm		115	7,3%
Quý III	Tháng 7	20,4	9,5%
	Tháng 8	21,4	10,0%
	Tháng 9	22,2	10,5%
	Tổng Quý III	64	10,0%
Quý IV	Tháng 10	18,9	11,0%
	Tháng 11	19,8	11,5%
	Tháng 12	18,798	12,0%
	Tổng Quý IV	57,498	11,5%
Tổng 6 tháng cuối năm		121,498	10,8%
Cả năm		236,498	10,0%

(2) Chi ngân sách nhà nước (236,498 tỷ đồng).

*** Phân bổ chi ngân sách nhà nước theo quý và theo tháng năm 2026:**

Quý	Tháng	Giá trị (tỷ đồng)	Tăng trưởng
Quý I	Tháng 1	17,2	6,0%
	Tháng 2	18,1	6,5%
	Tháng 3	19,7	7,0%
	Tổng Quý I	55	6,5%
Quý II	Tháng 4	18,9	7,5%
	Tháng 5	19,8	8,0%
	Tháng 6	21,3	8,5%
	Tổng Quý II	60	8,0%
Tổng 6 tháng đầu năm		115	7,3%
Quý III	Tháng 7	20,4	9,5%
	Tháng 8	21,4	10,0%
	Tháng 9	22,2	10,5%
	Tổng Quý III	64	10,0%
Quý IV	Tháng 10	18,9	11,0%
	Tháng 11	19,8	11,5%

	Tháng 12	18,798	12,0%
	Tổng Quý IV	57,498	11,5%
Tổng 6 tháng cuối năm		121,498	10,8%
Cả năm		**236,498**	**10,0%**

(3) Tiến độ gieo trồng các loại cây trồng: 11.109 ha.

*** Bảng phân bổ diện tích gieo trồng năm 2026**

Quý	Tháng	Diện tích thực hiện (ha)	Lũy kế (ha)	Tỷ lệ thực hiện (%)
Quý I	Tháng 01	1.200,00	1.200,00	10,8
	Tháng 02	460	1.660,00	14,94
	Tháng 03	477,35	2.137,35	19,24
	Tổng Quý I	2.137,35	2.137,35	19,24
Quý II	Tháng 04	430	2.567,35	23,11
	Tháng 05	450	3.017,35	27,16
	Tháng 06	1.900,00	4.917,35	44,26
	6 tháng đầu năm	4.917,35	4.917,35	44,26
Quý III	Tháng 07	1.200,00	6.117,35	55,07
	Tháng 08	920	7.037,35	63,35
	Tháng 09	918,35	7.955,70	71,61
	Tổng Quý III	3.038,35	7.955,70	71,61
Quý IV	Tháng 10	1.000,00	8.955,70	80,62
	Tháng 11	1.050,00	10.005,70	90,07
	Tháng 12	1.103,30	11.109,00	100
	Tổng Quý IV	3.153,30	11.109,00	100
6 tháng cuối năm		6.191,65	11.109,00	55,74
CẢ NĂM		**11.109,00**	**11.109,00**	**100**

(4) Năng suất:

Phân bổ năng suất cây trồng bình quân theo quý và theo tháng năm 2026

Quý	Tháng	Mức đạt lũy kế (%)	Sản lượng (tấn)	Tăng trưởng kế hoạch
Quý I	Tháng 01	0,3	300	5–6%
	Tháng 02	0,79	500	5–6%
	Tháng 03	1,58	800	5–6%
	Tổng Quý I	1,58	1.600	5,50%

Quý II	Tháng 04	3,05	1.500	6–7%
	Tháng 05	5,52	2.500	6–7%
	Tháng 06	9,46	4.000	6–7%
	6 tháng đầu năm	9,46	9.600	6,50%
Quý III	Tháng 07	15,37	6.000	7–8%
	Tháng 08	23,25	8.000	7–8%
	Tháng 09	34,09	11.000	7–8%
	Tổng Quý III	34,09	25.000	7,50%
Quý IV	Tháng 10	58,72	25.000	8–9%
	Tháng 11	82,37	24.000	8–9%
	Tháng 12	100	17.894	8–9%
	Tổng Quý IV	100	66.894	8,50%
6 tháng cuối năm		90,54	91.894	8,00%
CẢ NĂM		**100**	**101.494**	**7,00%**

(5) Gia súc, gia cầm (55.061 con).

*** Phân bổ tổng đàn gia súc, gia cầm tăng theo quý và theo tháng năm 2026 (số tăng trưởng):**

Quý	**Tháng**	**Tăng trong tháng (con)**	**Tổng đàn lũy kế trong năm (con)**	**Tăng so với đầu năm (%)**
Đầu năm			55.061	-
Quý I	Tháng 1	200	55.261	0,36%
	Tháng 2	150	55.411	0,64%
	Tháng 3	268	55.679	1,12%
	Tổng Quý I	618	55.679	1,12%
Quý II	Tháng 4	532	56.211	2,09%
	Tháng 5	100	56.311	2,27%
	Tháng 6	258	56.569	2,74%
	6 tháng đầu năm	1.508	56.569	2,74%
Quý III	Tháng 7	492	57.061	3,63%
	Tháng 8	200	57.261	4,00%
	Tháng 9	249	57.510	4,45%
	Tổng Quý III	941	57.510	4,45%

Quý IV	Tháng 10	151	57.661	4,72%
	Tháng 11	100	57.761	4,90%
	Tháng 12	19	57.780	4,94%
	6 tháng cuối năm	1.211	57.780	4,94%
CẢ NĂM		**2.719**	**57.780**	**≈ 5,0%**

(6) Năng lực mới tăng theo (41,232 tỷ đồng).

Quý	Tháng	Giá trị (tỷ đồng)	Tăng trưởng
Quý I	Tháng 1	2,1	8,00%
	Tháng 2	2,15	8,50%
	Tháng 3	2,25	9,00%
	Tổng QI	6,5	8,50%
Quý II	Tháng 4	3,1	10,00%
	Tháng 5	3,25	10,50%
	Tháng 6	3,41	11,00%
	Tổng QII	9,76	10,50%
Lũy kế 6 tháng đầu năm		16,26	9,70%
Quý III	Tháng 7	4	11,50%
	Tháng 8	4,1	12,00%
	Tháng 9	4,16	12,50%
	Tổng QIII	12,26	12,00%
Quý IV	Tháng 10	4,1	12,50%
	Tháng 11	4,25	13,00%
	Tháng 12	4,362	13,50%
	Tổng QIV	12,712	13,00%
6 tháng cuối năm		24,972	12,50%
CẢ NĂM		**41,232 tỷ đồng**	**11,00% (bình quân)**

(7) Sản phẩm công nghiệp sản xuất chủ yếu (31,495 tỷ đồng)

Quý I	Tháng 1	1,85	6,00%
	Tháng 2	1,95	6,50%
	Tháng 3	2,2	7,00%
	Tổng QI	6	6,50%
Quý II	Tháng 4	2,1	7,50%

	Tháng 5	2,2	8,00%
	Tháng 6	2,2	8,50%
	Tổng QII	6,5	8,00%
	6 tháng đầu năm 2026	12,5	7,30%
Quý III	Tháng 7	2,8	9,00%
	Tháng 8	2,9	9,50%
	Tháng 9	3	10,00%
	Tổng QIII	8,7	9,50%
Quý IV	Tháng 10	3,2	10,50%
	Tháng 11	3,4	11,00%
	Tháng 12	3,695	11,50%
	Tổng QIV	10,295	11,00%
	6 tháng cuối năm 2026	18,995	10,30%
CẢ NĂM		**31,495**	**8,4% (bình quân)**

(8) Nhà ở xây dựng mới (235 căn):

Quý	**Tháng**	**Số căn**	**Tỷ lệ tăng trưởng**
Quý I	Tháng 01	12	5,00%
	Tháng 02	15	5,50%
	Tháng 03	18	6,00%
	Tổng Quý I	45	5,50%
Quý II	Tháng 04	16	6,50%
	Tháng 05	17	7,00%
	Tháng 06	17	7,50%
	Tổng Quý II	50	7,00%
Quý III	Tháng 07	19	8,00%
	Tháng 08	20	8,50%
	Tháng 09	21	9,00%
	Tổng Quý III	60	8,50%
Quý IV	Tháng 10	24	9,50%
	Tháng 11	27	10,50%
	Tháng 12	29	11,50%
	Tổng Quý IV	80	10,50%
CẢ NĂM		**235**	

(9) Khách lưu trú:

Phân bổ khách lưu trú năm 2026 (tổng 1.800 lượt)

Quý	Tháng	Lượt khách	Tăng trưởng
Quý I	Tháng 01	140	9–10%
	Tháng 02	120	9–10%
	Tháng 03	160	9–10%
	Tổng Quý I	420	10,00%
Quý II	Tháng 04	130	10–11%
	Tháng 05	140	10–11%
	Tháng 06	160	10–11%
	Tổng Quý II	430	10,50%
6 tháng đầu năm		850	10,25%
Quý III	Tháng 07	180	11–12%
	Tháng 08	170	11–12%
	Tháng 09	180	11–12%
	Tổng Quý III	530	11,50%
Quý IV	Tháng 10	120	12–13%
	Tháng 11	150	12–13%
	Tháng 12	150	12–13%
	Tổng Quý IV	420	13,00%
6 tháng cuối năm		950	13,00%
CẢ NĂM		1.800	11,75%

- Các chỉ tiêu trên được xây dựng bảo đảm tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; đồng thời bảo đảm sự cân đối hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội, giữa phát triển các ngành kinh tế và nâng cao đời sống Nhân dân.

Trong đó: Thu ngân sách nhà nước, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ được xác định là các động lực tăng trưởng chủ yếu, giữ vai trò quyết định trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển và bảo đảm cân đối ngân sách địa phương.

- Nông nghiệp và chăn nuôi tiếp tục giữ vai trò là nền tảng ổn định của nền kinh tế, góp phần bảo đảm an ninh lương thực, ổn định đời sống nhân dân, đồng thời giảm thiểu rủi ro trước biến động thị trường và tác động của thiên tai, dịch bệnh.

- Đầu tư phát triển và xây dựng nhà ở là yếu tố quan trọng bảo đảm tính bền vững trong phát triển kinh tế - xã hội, tạo thêm năng lực sản xuất mới, cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng đô thị hóa và đời sống dân cư nông thôn.

- Du lịch và dịch vụ lưu trú được xác định là lĩnh vực có khả năng tạo đột phá tăng trưởng, góp phần mở rộng cơ cấu kinh tế, thúc đẩy thương mại – dịch vụ, đồng thời gia tăng nguồn thu ngân sách và tạo việc làm cho người lao động.

(1) Kịch bản khả thi:

Trên cơ sở kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 và xu hướng tăng trưởng của các ngành, lĩnh vực chủ yếu, xây dựng kịch bản phát triển kinh tế – xã hội năm 2026 theo hướng khả thi như sau:

* Kịch bản tổng thể:

- Trên cơ sở kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 và xu hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực chủ yếu, kịch bản khả thi được xây dựng theo hướng tăng trưởng ổn định, bền vững, có sự cải thiện so với năm 2025 nhưng không tạo ra đột biến lớn.

- Kinh tế - xã hội năm 2026 tiếp tục duy trì đà phục hồi và phát triển; trong đó, nông nghiệp vẫn giữ vai trò là ngành kinh tế chủ lực; công nghiệp - xây dựng có bước tăng trưởng khá nhờ thúc đẩy đầu tư hạ tầng; thương mại – dịch vụ tiếp tục phát triển ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân.

- Thu ngân sách cơ bản đảm bảo theo dự toán, có khả năng vượt nhẹ chỉ tiêu giao. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục được quan tâm đầu tư; chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời; quốc phòng – an ninh được giữ vững ổn định.

Trong kịch bản này, dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã đạt trên 10%.

* Định hướng phân kỳ thực hiện:

6 tháng đầu năm:

- Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, gắn với liên kết chuỗi giá trị, góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Tập trung thu hút đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản, từng bước hình thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, gắn với thị trường tiêu thụ ổn định.

- Đẩy mạnh đầu tư, hoàn thiện một số công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và sản xuất trên địa bàn.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và các dịch vụ công, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của Nhân dân.

- Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, cải cách hành chính và hoạt động sản xuất - kinh doanh.

- Tạo việc làm, từng bước nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống Nhân dân, nhất là khu vực nông thôn.

6 tháng cuối năm:

- Tiếp tục hoàn thiện và mở rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ ổn định, bền vững.

- Tăng cường thu hút doanh nghiệp đầu tư vào chế biến sâu nông sản, đồng thời phát triển các ngành nghề nông thôn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình hạ tầng trọng điểm, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn.

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, bảo đảm đời sống Nhân dân.

- Mở rộng ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ công và hỗ trợ hoạt động sản xuất – kinh doanh.

- Tập trung giải quyết việc làm, ổn định thu nhập và từng bước nâng cao đời sống Nhân dân.

* Quý III - IV: Đây là giai đoạn có sự phân hóa rõ rệt về tăng trưởng. Quý III đạt mức tăng trưởng cao nhất trong năm do sản xuất nông nghiệp vào cao điểm, hoạt động thương mại - dịch vụ sôi động và tiến độ giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh. Sang Quý IV, tăng trưởng có xu hướng chững lại so với Quý III, tuy vẫn duy trì ở mức khá, do kết thúc chu kỳ sản xuất trong năm và tập trung cho công tác tổng kết, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

* Đánh giá khả thi:

- Kịch bản khả thi được xây dựng trên cơ sở kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 và xu hướng tăng trưởng hiện hữu của các ngành, lĩnh vực chủ yếu trên địa bàn. Các chỉ tiêu tăng trưởng được xác định ở mức hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tiễn, không tạo áp lực quá lớn trong tổ chức thực hiện.

- Nguồn lực đầu tư chủ yếu từ ngân sách nhà nước và xã hội hóa ở mức vừa phải, có khả năng huy động trong điều kiện hiện nay. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó nông nghiệp giữ vai trò chủ lực, công nghiệp - xây dựng có bước phát triển ổn định, góp phần thúc đẩy tăng trưởng chung. Công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương ngày càng chủ động, linh hoạt và sát với thực tiễn.

(2) Kịch bản không khả thi:

Trên cơ sở đánh giá bối cảnh 6 tháng đầu năm 2026 và các yếu tố rủi ro có thể tác động đến phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng kịch bản không khả thi (kịch bản thấp) như sau:

* Kịch bản tổng thể:

- Trong trường hợp năm 2026 xảy ra các yếu tố bất lợi như thời tiết cực đoan, biến động thị trường và hạn chế về nguồn lực đầu tư, kinh tế - xã hội của địa phương có thể tăng trưởng chậm lại so với kế hoạch đề ra.

- Tăng trưởng kinh tế nhìn chung không đạt mức kỳ vọng; một số ngành, lĩnh vực chủ lực có xu hướng suy giảm tốc độ phát triển hoặc chỉ duy trì ở mức thấp. Thu ngân sách nhà nước gặp nhiều khó khăn, tiến độ triển khai và giải ngân các công

trình đầu tư công bị chậm, từ đó ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển chung của địa phương.

- Trong kịch bản này, dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã đạt khoảng 6-7%.

* Nguyên nhân chủ yếu có thể bao gồm:

- Biến động thời tiết, khí hậu cực đoan như hạn hán, mưa lớn kéo dài, lũ lụt, sâu bệnh phát sinh trên diện rộng đã và sẽ tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp, làm giảm năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi.

- Thị trường tiêu thụ nông sản không ổn định, giá cả biến động mạnh; đầu ra sản phẩm thiếu bền vững, còn phụ thuộc nhiều vào thương lái, làm gia tăng rủi ro trong sản xuất và tiêu thụ.

- Nguồn lực đầu tư còn hạn chế; vốn đầu tư công phân bổ và giải ngân còn chậm, trong khi việc huy động các nguồn lực xã hội hóa cho phát triển còn gặp nhiều khó khăn.

- Doanh nghiệp và hộ sản xuất kinh doanh gặp khó khăn, có xu hướng thu hẹp quy mô sản xuất, qua đó làm giảm nhu cầu sử dụng lao động tại địa phương.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, làm hạn chế khả năng thu hút đầu tư và mở rộng sản xuất – kinh doanh trên địa bàn.

* Đánh giá tác động:

- Kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế có xu hướng giảm; một số ngành chủ lực như nông nghiệp, thương mại - dịch vụ tăng chậm so với kế hoạch đề ra.

- Thu ngân sách: Thu ngân sách nhà nước không đạt dự toán, ảnh hưởng đến khả năng cân đối chi thường xuyên và nhu cầu đầu tư phát triển trên địa bàn.

- Đời sống nhân dân: Thu nhập của người dân có xu hướng giảm, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh khó khăn trong sản xuất và đảm bảo sinh kế.

- Việc làm: Cơ hội việc làm giảm, đặc biệt đối với lao động khu vực nông thôn và lao động thời vụ.

- Hạ tầng: Tiến độ triển khai các công trình hạ tầng chậm, ảnh hưởng đến mục tiêu hoàn thiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

* Đánh giá không khả thi:

- Kịch bản này có xác suất xảy ra nếu xuất hiện đồng thời nhiều yếu tố bất lợi về lũ lụt, dịch bệnh, thị trường và tiến độ đầu tư. Do đó, cần tăng cường các giải pháp chủ động phòng ngừa rủi ro, đẩy mạnh điều hành linh hoạt để hạn chế tác động tiêu cực và phấn đấu chuyển sang kịch bản khả quan hơn.

III. NGUỒN LỰC, ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG:

Để thực hiện mục tiêu tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã Cư Pui năm 2026 đạt trên 10%, xã tập trung huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực phát triển, đồng thời khai thác tối đa các động lực tăng trưởng của từng ngành, lĩnh vực.

1. Nguồn lực tăng trưởng:

1.1. Nguồn lực từ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản:

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục là nguồn lực quan trọng nhất của nền kinh tế xã Cư Pui, dự kiến đóng góp 580,42 tỷ đồng, chiếm khoảng 66% tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn năm 2026. Đây là nền tảng để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế trên 10%, đồng thời tạo việc làm và thu nhập cho phần lớn lao động nông thôn.

- Địa phương có lợi thế với: 11.109 ha diện tích gieo trồng, trong đó tập trung phát triển các cây trồng chủ lực như lúa nước, cà phê, sầu riêng, hồ tiêu và các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao. Phấn đấu duy trì năng suất các cây trồng chủ lực ở mức ổn định, trong đó lúa đạt khoảng 72,08 tạ/ha, cây lâu năm khoảng 80 tạ/ha, cây ăn quả khoảng 190 tạ/ha, góp phần bảo đảm sản lượng hàng hóa và nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Trong chăn nuôi, xã tiếp tục phát triển theo hướng an toàn sinh học, nâng cao chất lượng giống và kiểm soát dịch bệnh, phấn đấu duy trì và phát triển tổng đàn gia súc, gia cầm khoảng 55.061 con, tạo nguồn cung ổn định cho thị trường, tăng giá trị ngành chăn nuôi và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Bên cạnh đó, xã tập trung đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng; mở rộng diện tích sản xuất tiêu chuẩn an toàn; tăng cường quản lý mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; Đồng thời, khai thác hiệu quả các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nguồn lực xã hội hóa để đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất, chuyển đổi số trong nông nghiệp và ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất.

- Những lợi thế về quy mô đất sản xuất, cơ cấu cây trồng chủ lực, tiềm năng phát triển chăn nuôi cùng việc huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư sẽ là cơ sở quan trọng để khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục giữ vai trò trụ cột, đóng góp lớn vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số và phát triển bền vững của xã Cư Pui trong năm 2026.

1.2. Nguồn lực từ khu vực công nghiệp - xây dựng:

- Khu vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng được xác định là một trong những động lực tăng trưởng chủ yếu của năm 2026. Giá trị sản phẩm công nghiệp sản xuất chủ yếu phấn đấu đạt 31,495 tỷ đồng; năng lực sản xuất mới tăng thêm đạt 41,232 tỷ đồng.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành nghề chế biến nông sản, vật liệu xây dựng, cơ khí nhỏ, sản xuất hàng tiêu dùng và các ngành nghề nông thôn; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở sản xuất mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động.

- Việc hoàn thành 235 căn nhà ở xây mới cùng với đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi, điện và viễn thông sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng khu vực xây dựng, tạo việc làm và kích thích tiêu dùng xã hội.

1.3. Nguồn lực từ khu vực thương mại - dịch vụ - du lịch:

- Thương mại, dịch vụ và du lịch tiếp tục là khu vực có tốc độ tăng trưởng cao. Với mục tiêu thu hút khoảng 1.800 lượt khách lưu trú trong năm 2026, xã tập trung khai thác hiệu quả các tiềm năng về du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, văn hóa truyền thống và các dịch vụ hỗ trợ du lịch.

- Hoạt động thương mại, vận tải, lưu trú, ăn uống, dịch vụ cá nhân và các loại hình kinh doanh mới tiếp tục được mở rộng, tạo động lực gia tăng giá trị khu vực dịch vụ và đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế địa phương.

1.4. Nguồn lực tài chính và đầu tư phát triển:

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phấn đấu đạt 236,498 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 236,498 tỷ đồng. Đây là nguồn lực quan trọng để địa phương thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội và thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Đồng thời, tăng cường huy động các nguồn vốn xã hội hóa, vốn của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và Nhân dân để đầu tư phát triển sản xuất, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Động lực tăng trưởng:

2.1. Động lực từ đầu tư công và phát triển kết cấu hạ tầng:

Tập trung giải ngân hiệu quả các nguồn vốn đầu tư công; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở văn hóa và hạ tầng phục vụ sản xuất. Hạ tầng đồng bộ sẽ tạo điều kiện giảm chi phí sản xuất, lưu thông hàng hóa và thu hút đầu tư.

2.2. Động lực từ cải cách hành chính và chuyển đổi số:

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, sản xuất và kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và hợp tác xã tiếp cận các dịch vụ công và thị trường.

2.3. Động lực từ phát triển kinh tế tư nhân:

- Khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã và tổ hợp tác; hỗ trợ tiếp cận vốn, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

2.4. Động lực từ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông sản; áp dụng các mô hình sản xuất hiệu quả, kinh tế tuần hoàn và sản xuất xanh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm địa phương.

2.5. Động lực từ nguồn nhân lực và an sinh xã hội:

- Đẩy mạnh đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng lao động nông thôn; thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội; tạo môi trường ổn định để người dân yên tâm đầu tư sản xuất và phát triển kinh tế.

3. Khả năng thực hiện mục tiêu tăng trưởng:

- Với các nguồn lực và động lực nêu trên, cùng việc triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, xã Cư Pui có điều kiện thuận lợi để hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu đã đề ra, đặc biệt là các chỉ tiêu về thu ngân sách, phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Đây là cơ sở quan trọng để phấn đấu đưa tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã năm 2026 đạt trên 10%, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP:

1. Nhóm giải pháp thúc đẩy các động lực tăng trưởng theo ngành, lĩnh vực:

1.1. Giao Thủ trưởng các cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động theo dõi, bám sát diễn biến thị trường, tình hình sản xuất, kinh doanh, mùa vụ và nhu cầu tiêu dùng; kịp thời nắm bắt khó khăn, vướng mắc phát sinh để đề xuất, tham mưu UBND xã chỉ đạo tháo gỡ, nhất là đối với các ngành, lĩnh vực có đóng góp lớn cho tăng trưởng;

1.2. Đối với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Giao Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan tập trung tổ chức sản xuất theo kế hoạch và lịch thời vụ; đẩy mạnh tái cơ cấu ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững; hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia giới thiệu, phối hợp quảng bá sản phẩm để tìm kiếm thị trường tiêu thụ và xuất khẩu nông sản. Phòng Kinh tế là cơ quan đầu mối, chủ trì, chịu trách nhiệm trước UBND xã về thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng khu vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản;

1.3. Đối với khu vực công nghiệp - xây dựng:

Giao Phòng Kinh tế chủ động rà soát, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã duy trì hoạt động sản xuất, kịp thời tham mưu tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng (nếu có); tổ chức hiệu quả các chương trình kích cầu tiêu dùng, xúc tiến thương mại trong năm 2026.

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư

2.1. Giao Phòng Kinh tế:

- Tập trung rà soát cập nhật lập quy hoạch chung xã Cư Pui đảm bảo tính đồng bộ, định hướng phát triển Kinh tế - xã hội trên toàn xã.

- Tập trung chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư năm 2026 ngay từ đầu năm; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện, giải ngân và hiệu quả sử dụng vốn theo kế hoạch.

- Tăng cường quản lý, khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai, tài sản công. Chủ động trong công tác phòng ngừa và khắc phục thiên tai, mưa lũ trên địa bàn xã. Cụ

thể: Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời với các loại hình thiên tai, đặc biệt là mưa lớn, lũ quét, ngập úng, sạt lở đất trên địa bàn xã; Giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản, hoa màu, cơ sở hạ tầng và các công trình công cộng do thiên tai gây ra; Đảm bảo giao thông thông suốt, duy trì hoạt động sản xuất và đời sống sinh hoạt của Nhân dân trong mùa mưa lũ.

- Tập trung kêu gọi, thu hút và hỗ trợ các nhà đầu tư nghiên cứu, triển khai các dự án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và trải nghiệm tại Thác Đắk Tuôr, Thác Buôn Ngô và Hồ Ea Rớt. Chủ động phối hợp với các sở, ngành của tỉnh trong công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng (nếu có), hoàn thiện các thủ tục về đất đai, môi trường, đầu tư và xây dựng; tạo điều kiện thuận lợi để các dự án sớm triển khai. Đồng thời, ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng kết nối, bãi đỗ xe, hệ thống điện, nước, viễn thông và các hạng mục phụ trợ; khuyến khích phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm gắn với văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần khai thác hiệu quả tiềm năng, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng khu vực thương mại - dịch vụ của địa phương..

- Tăng cường tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm chủ lực của địa phương như: lúa ST24, ST25; cây ăn quả (Sầu riêng...); rượu cần... theo chuỗi giá trị, gắn kết chặt chẽ giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trong thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm vải Cư Pui thông qua các kênh thương mại điện tử, hội chợ nông sản, các chương trình xúc tiến thương mại và nền tảng truyền thông; từng bước xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị gia tăng và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản đặc trưng của địa phương.

- Tập trung giải quyết tình trạng thiếu đất ở hộ đồng bào DTTS, đảm bảo an sinh xã hội: Góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn trọng điểm Tây Nguyên theo tinh thần Đề án 104 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư theo hình thức liên kết sản xuất – tiêu thụ nông sản, đầu tư hạ tầng sơ chế, bảo quản, thu gom và tiêu thụ sản phẩm, góp phần hình thành chuỗi giá trị bền vững.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục, hạ tầng kỹ thuật và điều kiện vận hành, sớm đưa Nhà máy xử lý rác thải vào hoạt động; bảo đảm đáp ứng yêu cầu về công nghệ, môi trường và an toàn vận hành, góp phần nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn, giảm ô nhiễm môi trường và cải thiện cảnh quan nông thôn.

- Tăng cường công tác dự báo, đánh giá và quản lý rủi ro trong quá trình triển khai các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn; chủ động xây dựng phương án ứng phó kịp thời với các tình huống phát sinh như biến động thị trường, thiên tai, dịch bệnh và các yếu tố bất khả kháng khác, nhằm bảo đảm tính ổn định, an toàn và hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư.

2.2. Giao Phòng Văn hóa - Xã hội:

- Triển khai đầy đủ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Ưu tiên đề xuất tỉnh danh mục các nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Cụ thể: Triển khai có hiệu quả phong trào Bình dân học vụ số năm 2026; Thôn, buôn số - Kết nối và phát triển; nâng cao năng lực sử dụng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng số trong đời sống, đặc biệt với đồng bào DTTS, người cao tuổi; từng bước xây dựng các thôn, buôn trên địa bàn xã Cư Pui trở thành cộng đồng số; góp phần xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại xã Cư Pui theo đúng tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế ban đêm, định hướng thực hiện theo kế hoạch sơ bộ gồm các nhóm nhiệm vụ trọng tâm: (i) phát triển đồng bộ các hoạt động văn hóa, lễ hội, thể thao, sinh hoạt cộng đồng, ưu tiên tổ chức định kỳ cuối tuần và các dịp lễ; (ii) tập trung đầu tư, nâng cấp và từng bước hoàn thiện hạ tầng phục vụ kinh tế ban đêm như hệ thống chiếu sáng, giao thông, bãi đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng, biển chỉ dẫn, hạ tầng số, wifi công cộng, bảo đảm an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường; (iii) triển khai hỗ trợ người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp thông qua đào tạo kỹ năng dịch vụ, hỗ trợ quảng bá sản phẩm, thúc đẩy chuyển đổi số và tạo điều kiện tiếp cận vốn ưu đãi để phát triển kinh doanh; (iv) tăng cường liên kết với doanh nghiệp lữ hành, đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá trên nền tảng số và truyền thông, qua đó thu hút khách du lịch và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư.

- Tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, chương trình mục tiêu quốc gia, xã hội hóa và doanh nghiệp để phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tàng đương đại Tây Nguyên, trong đó ưu tiên xây dựng và hoàn thiện các sản phẩm du lịch đặc trưng dựa trên khai thác giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc dân tộc, nghề thủ công, ẩm thực, lễ hội địa phương; phát triển mô hình du lịch trải nghiệm kết hợp tham quan bảo tàng đương đại với đời sống sinh hoạt cộng đồng, tổ chức các hoạt động trình diễn nghề truyền thống, văn hóa dân gian, trải nghiệm nông nghiệp và ẩm thực và quà lưu niệm đặc trưng của địa phương; đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thông qua xây dựng hệ thống truyền thông số, website, fanpage, bản đồ du lịch số, mã QR tại điểm đến, đồng thời tổ chức famtrip, presstrip và tăng cường liên kết với doanh nghiệp lữ hành, các địa phương lân cận để hình thành tuyến du lịch liên vùng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch thông qua đào tạo kỹ năng đón tiếp, hướng dẫn, thuyết minh viên cộng đồng và bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ngoại ngữ cơ bản cho người dân tham gia dịch vụ du lịch; đồng thời phát huy vai trò cộng đồng dân cư trong cung cấp dịch vụ, khuyến khích hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia đầu tư, xã hội hóa hoạt động du lịch, gắn với lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và phát triển du lịch, hướng tới mục tiêu xây dựng Cư Pui trở thành điểm đến du lịch cộng đồng đặc sắc.

- Hỗ trợ xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng: Du lịch sinh thái, Check-in, chụp ảnh; Du lịch trải nghiệm nông nghiệp; ẩm thực địa phương; khu cắm trại cuối tuần; biểu diễn cồng chiêng...

3. Nhóm giải pháp về tài chính - ngân sách - Thủ tục hành chính:

3.1. Giao Phòng Kinh tế phối hợp với cơ quan Thuế triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý thu ngân sách, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế; khai thác hiệu quả các nguồn thu mới; bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định. Điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển và các nhiệm vụ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế;

3.2. Giao Phòng Văn hóa - Xã hội:

- Triển khai có hiệu quả, đảm bảo tiến độ các nhiệm vụ được tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và 2026; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Tiếp tục tham mưu công tác kiện toàn tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và chất lượng dịch vụ hành chính công của Chính quyền địa phương hai cấp;

3.3. Giao Trung tâm phục vụ hành chính công:

- Tham mưu triển khai phương thức giải quyết thủ tục hành chính theo hướng "giải quyết thủ tục hành chính đông người", có cùng nhu cầu trong cùng thời điểm và mô hình "Thứ năm - ngày không hẹn", nhằm nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính. Đồng thời, tăng cường công tác hướng dẫn, hỗ trợ đối với người dân yếu thế như người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số và các trường hợp khó khăn trong tiếp cận dịch vụ công, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận và giải quyết thủ tục hành chính kịp thời, thuận lợi.

3.4. Giao Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công:

- Tập trung phối hợp trong công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; tăng cường phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Đồng thời, xây dựng điểm tư vấn dịch vụ khuyến nông, liên kết giới thiệu và tư vấn việc làm cho người dân. Trong đó, ưu tiên phát triển các cây trồng chủ lực của xã Cư Pui gồm cây lúa và một số cây ăn quả, gắn với tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, góp phần tăng thu nhập và phát triển nông nghiệp bền vững.

- Huy động hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách, các chương trình hỗ trợ, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân để xây dựng, vận hành Điểm tư vấn và dịch

vụ khuyến nông; tăng cường tư vấn kỹ thuật, chuyển giao khoa học công nghệ, hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, xây dựng cơ sở dữ liệu khuyến nông, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất, thu nhập và phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn.

- Xây dựng và vận hành hiệu quả Điểm hỗ trợ việc làm cộng đồng xã Cư Pui; cập nhật, hoàn thiện cơ sở dữ liệu lao động và nhu cầu tuyển dụng, tăng cường kết nối cung - cầu lao động. Đẩy mạnh tư vấn việc làm, học nghề, hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển các mô hình sinh kế, kinh tế hộ, hợp tác sản xuất nhằm tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho người dân. Đồng thời, tăng cường liên kết với doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề để giới thiệu việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

UBND xã yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan tập trung, quyết liệt triển khai tổ chức thực hiện kịch bản điều hành tăng trưởng kinh tế hai con số năm 2026:

1. Khẩn trương triển khai thực hiện, cụ thể hóa thành các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể về nhiệm vụ năm 2026 của các cơ quan, đơn vị; trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, xây dựng lộ trình cụ thể, thiết thực, chỉ đạo điều hành có trọng tâm, trọng điểm ở từng lĩnh vực, đảm bảo chất lượng và tiến độ thực hiện theo từng quý.

2. Giao Phòng Kinh tế là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm tổng hợp, theo dõi, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện; định kỳ hàng quý, tổng hợp báo cáo UBND xã. Trên cơ sở kết quả thực hiện kịch bản từng quý, chủ trì cập nhật, đánh giá tình hình kết quả báo cáo UBND xã để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kịp thời bổ sung, điều chỉnh kịch bản tăng trưởng cho phù hợp tình hình thực tiễn và điều kiện phát triển của xã.

3. Công an xã là cơ quan thường trực triển khai Đề án 06; đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư phục vụ quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tạo môi trường ổn định, an toàn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội tăng cường phối hợp tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân đoàn kết, tin tưởng và tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch; đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt bằng để triển khai các công trình, dự án năm 2026; đồng thời, tăng cường giám sát các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện để kịp thời kiến nghị, tham gia, góp ý với UBND xã về các giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch kịch bản tăng trưởng giá trị sản phẩm trên địa bàn năm 2026 đạt hiệu quả cao nhất.

Ngoài ra, các ban ngành chuyên môn: Căn cứ chức năng nhiệm vụ, chủ động tham mưu triển khai các giải pháp đạt hiệu quả cao nhất.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 của xã Cư Pui, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT. Đảng ủy;
- TT. HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ CƯ PUI T.ĐẮK LẮK

Huỳnh Duy Trung